

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CON CUÔNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 30 - 3 - 2022

V/v tranh chấp về thừa kế tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Văn Liệu;

2. Ông Bùi Thế Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Lương Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp về thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 765/QĐST-DS ngày 29/12/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 132/TB-TA ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Lô Thị Q – Sinh năm 1953. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Ê K, huyện Chư Mư Nga, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Lô Quốc Ph – Sinh năm 1956. Có mặt.

Nơi ĐKNKTT: Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Lô Xuân D – Sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: K3, phường Q B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Bà Lô Thị M – Sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: X 1, xã L S, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

5. Bà Lô Thị Ph, tên gọi khác Lô Thị L – Sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản Ch N, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

6. Bà Lô Thị H – Sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Kh Ch, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền cho bà Q, bà H, bà M, bà ph ((L), ông D: Ông Lô Quốc Ph, sinh năm 1956. Có mặt.

Nơi ĐKNKTT: Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Lô Xuân T - Sinh năm 1946. Có mặt.

Địa chỉ: Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh Lô Văn H, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Kha Thị Th – Sinh năm 1948. Có mặt.

2. Anh Lô Văn H – Sinh năm 1977. Có mặt.

3. Chị Lô Thị B – Sinh năm 1983. Có mặt.

4. Chị Lô Thị Y – Sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

5. Anh Lô Văn Th – Sinh năm 1971. Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn E M, xã E M', huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

6. Chị Lô Thị Ng – Sinh năm 1974. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th Kh, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

7. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2019, lời khai quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lô Quốc Ph, Lô Xuân D, bà Lô Thị Q, Lô Thị H, Lô Thị M, Lô Thị Ph (Lô Thị L) trình bày:

Cha của các ông bà là cụ Lô Văn D (tên gọi khác là Lô Văn M) và mẹ là cụ Chương Thị S (tên gọi khác là Chương Thị L) sinh được 8 người con gồm: ông Lô Xuân T, Lô Quốc Ph, Lô Xuân D, Lô Văn Y (chưa có vợ con, đi bộ đội hi sinh năm 1968), bà Lô Thị Q, Lô Thị M, Lô Thị Ph, (tên gọi khác là Lô Thị L) và Lô Thị H. Cụ Sấn chết năm 2010, cụ D chết năm 2011, đều không để lại di chúc và cũng không để lại khoản nợ nào.

Sau khi cha, mẹ ông mất có để lại khối di sản gồm:

Nhà và đất ở: một ngôi nhà sàn ba gian dựng trên thửa đất số 33, tờ bản đồ XCK02 (nay là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) tại Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An diện tích là 2925m² (diện tích đất ở là 400m², diện tích đất vườn là 2545 m²) đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 126 QSDĐ ngày 24/9/1996. Ngôi nhà sàn hiện nay đã bị ông T và con trai ông T là anh Lô Xuân H tự ý tháo dỡ lấy gỗ rồi dựng lên một ngôi nhà sàn mới.

Đất vườn trồng mít và trồng lúa:

Đất vườn trồng mít có tổng diện tích là 19355,4 m². Trong đó gồm các khu vườn cụ thể như sau: vườn mít ven bờ sông phía trên thôn B G, vườn mít ven bờ sông bên cạnh thôn B G, vườn mít bên cạnh bãi ngô đá nổi phía dưới thôn B G, vườn mít khu vực khe Hiềng.

Đất trồng lúa có tổng diện tích là 2186,7m² bao gồm một số thửa ở khu vực khe Hiềng. Năm 2016 nhà nước có dự án làm thủy điện Ch Kh nên đã ngập một phần diện tích đất trồng mít và đất ruộng lúa. Số diện tích đất này đã được Nhà nước bồi thường 639.483.720 đồng và ông T đã nhận toàn bộ số tiền trên. Sau khi các cụ mất, anh chị em trong gia đình cũng đã bàn bạc dành một phần đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cụ để xây dựng nhà thờ chung nhưng vợ chồng ông T không hợp tác nên không thực hiện được.

Đối với văn bản phân chia tài sản thừa kế mà ông Lô Xuân T cung cấp cho Tòa án thì các ông bà xác nhận không có cuộc họp gia đình nào cả và các chữ ký của các ông bà trong biên bản cũng không phải là chữ ký của các ông bà.

Nay các ông bà yêu cầu toà án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật tài sản của bố mẹ là cụ Lô Văn D và cụ Chương Thị S cho 07 anh chị em là thừa đất số 33, tờ bản đồ XCK02 (nay là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) do ông Lô Xuân T đang quản lý, sử dụng theo 07 phần bằng hiện vật và 639.843.720 đồng theo 07 phần. Toàn bộ số tài sản được chia các nguyên đơn ông Phong, ông D, bà Q, bà ph (L), bà H, bà M thống nhất nhập lại thành một phần và giao cho ông D quản lý để làm nhà thờ. Đối với căn nhà sàn hiện nay không còn, và một số diện tích đất trồng lúa, trồng mít không nằm trong phần được bồi thường dự án thủy điện Ch Kh chúng tôi không yêu cầu giải quyết.

Về chi phí tố tụng: ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lô Xuân T và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn cho ông Lô Xuân T là anh Lô Văn H trình bày:

Cụ Lô Văn D (tên gọi khác là Lô Văn M) và cụ Chương Thị S (tên gọi khác là Chương Thị L) sinh được 8 người con gồm: ông Lô Xuân T, Lô Quốc Ph, Lô Xuân D, Lô Văn Y (chưa có vợ con, đi bộ đội hi sinh năm 1968), bà Lô Thị Q, Lô Thị M, Lô Thị Ph (tên gọi khác là Lô Thị L) và Lô Thị H. Cụ Sấn chết năm 2010, cụ D chết năm 2011, đều không để lại di chúc và cũng không để lại khoản nợ nào.

Sinh thời, các cụ sinh sống trên thửa đất số 33 tờ bản đồ số XCK02 (nay là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) 2945m² tại Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 126 QSDĐ ngày 24/9/1996. Ông T và ông Phong cùng bà Q, bà H, bà ph (L), bà M, ông

D đều được sinh ra, lớn lên trên thửa đất này. Ông Phong cùng bà Q, bà H, bà ph (L), bà M, ông D lần lượt lập gia đình và ra ở riêng. Còn ông T sống chung với hai cụ cho đến năm 1969 thì kết hôn với bà Kha Thị Th và sinh được 05 người con là Lô Văn H, Lô Thị B, Lô Thị Y, Lô Thị Ng và Lô Văn Th. Năm 2001 anh H kết hôn với chị Bùi Thị H và sống cùng với ông T cho đến nay.

Hiện nay các em của ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ ông để lại ông không đồng ý vì lý do:

Về đất ở: Các anh em của ông đều đã có phần đất được bố mẹ cho, bản thân ông ở với bố mẹ nên diện tích đất của bố mẹ để lại là của ông. Ông Phong lập gia đình năm 1981 cắt khẩu lên xã Lạng Khê, lúc đó bố mẹ ông đã cho ông Phong một số tài sản có giá trị. Sau đó cuộc sống ông Phong khó khăn, bố mẹ đã xin cho ông Phong 01 thửa đất ở Bản B G, xã Ch Kh để ông về sinh sống. Sau này thửa đất cũng nằm trong khu vực ngập nước của thủy điện Ch Kh và được đền bù số tiền 280.000.000 đồng, số tiền này ông Phong đã nhận và không chia cho ai. Còn ông D thì được anh em thống nhất chia cho ngôi nhà tình nghĩa và đất của bố mẹ để lại tại Thôn Kh Ch, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Sau này nhà và đất ông D cũng bán 490.000.000 đồng và không chia cho ai. Còn các em gái lấy chồng, người thì lấy chồng xa, người lấy chồng gần nhưng đều được bố mẹ cho tài sản hồi môn. Bản thân ông ở cùng bố mẹ, chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ nên vào ngày 11/10/2011 anh em tiến hành họp gia đình thống nhất để lại toàn bộ tài sản của cha mẹ cho ông.

Về diện tích đất được dự án thủy điện bồi thường: Diện tích đất được bồi thường là đất nông nghiệp chia đất theo Nghị định 100/NĐ- CP của chính phủ, diện tích đất này được chia năm 1994 và làm bìa năm 1996. Thời điểm này các anh em của ông đều đã lập gia đình riêng nên không được chia. Lúc đó gia đình ông được chia theo 07 suất gồm: 05 người con của ông, vợ ông, bố mẹ ông được hưởng một suất lý do vì ông bà già yếu không có khả năng lao động nên cấp 01 suất để cho người nuôi dưỡng ông bà. Số tiền bồi thường của Thủy điện là do ngập nước phần diện tích đất ruộng được Nhà nước cấp cho các khẩu trong gia đình ông không liên quan đến các anh em của ông.

Hơn nữa, theo phong tục của người thái, bố mẹ ở với ai thì khi nboos mẹ mất người đó sẽ được hưởng tài sản của bố mẹ để lại, như vậy bản thân ông ở cùng bố mẹ, chăm sóc bố mẹ, bố mẹ không có lương chỉ có một phần trợ cấp của em trai ông là liệt sỹ số tiền 700.000 đồng/tháng. Ông chăm sóc các cụ từ khi các em lập gia đình ra ở riêng cho đến khi các cụ không có khả năng lao động đến những năm tháng các cụ già yếu, bệnh tật nằm một chỗ rồi chết đi.

- *Quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* bà Kha Thị Th, chị Lô Thị Ng, chị Lô Thị B, chị Lô Thị Y: bà và các chị thừa nhận về đi

sản, hàng - diện thừa kế như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày, không bổ sung gì thêm đồng thời không đồng ý việc thừa kế của các nguyên đơn và nếu được hưởng công sức bảo quản di sản thì bà và các chị đều thống nhất nhập vào phần của ông T được hưởng.

- *Quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* anh Lô Văn H và chị Bùi Thị H trình bày: sau khi anh kết hôn với chị H thì cha mẹ anh giao lại toàn bộ công việc lớn nhỏ trong gia đình cho vợ chồng anh, các tài sản trên đất là do vợ chồng anh tạo lập nên nếu chia theo thừa kế cho các nguyên đơn thì yêu cầu các nguyên đơn phải bồi thường giá trị các tài sản trên đất theo giá của Hội đồng định giá tài sản trên phần đất mà các nguyên đơn được hưởng, đối với các tài sản trên đất của anh chị nếu nằm trên phạm vi đất của bị đơn thì anh chị và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với các tài sản được xây dựng từ sau thời điểm xảy ra tranh chấp nếu nằm trong phần chia thừa kế các nguyên đơn được hưởng thì anh chị tự nguyện dời đi. Nếu anh chị được hưởng công sức bảo quản di sản thì anh, chị đều thống nhất nhập vào phần của ông T được hưởng.

- *Quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* anh Lô Văn Th trình bày: anh là con trai đầu của ông Lô Xuân T và bà Kha Thị Th, năm 1994 anh lập gia đình cho đến năm 1996 thì ra ở riêng, đến năm 2000 hai vợ chồng anh chuyển vào sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk cho đến nay. Việc các o, các chú khởi kiện việc chia thừa kế tài sản của ông bà anh để lại anh không có ý kiến gì vì từ lâu nay anh không về, hơn nữa do đường xá xa xôi không thuận tiện cho việc đi lại nên anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc, buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa xét xử.

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2020 xác định: thửa đất số đất số 33 tờ bản đồ số XCK02 (nay là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) thuộc Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông. Diện tích toàn bộ thửa đất là 2242,1m², trong đó đất ở là 400m², đất vườn là 1842,1m². Ngoài ra trên phần đất tranh chấp còn có một số công trình kiến trúc do vợ chồng con trai ông T là anh H – chị H tạo lập như nhà sàn 5 gian hình chữ L, nhà vệ sinh hai tầng, sàn bê tông cốt thép, nhà tắm, giếng khơi, giàn tôn và nền bê tông, chuồng trâu, chuồng gà, chuồng lợn, xưởng cưa, bể nước, hàng rào bao quanh, cây ăn quả, các loại cây khác.

Trị giá tài sản tranh chấp được định giá: giá mỗi m² đất ở là 300.000 đồng/m² đồng, đất vườn là 29.000 đồng; nhà sàn 403.987.500 đồng; nhà vệ sinh hai tầng 67.242.780 đồng; sàn bê tông cốt thép 7.900.000 đồng; học cầu thang lên nhà vệ sinh 2.393.820 đồng; nhà tắm và bể nước xây trên nhà tắm 9.410.325 đồng; giếng khơi 10.700.800 đồng; mái che lợp tôn bao quanh nhà sàn 35.054.800 đồng; nền bê tông 38.284.620 đồng; 01 xưởng cưa 9.699.690 đồng; 02 chuồng lợn 14.676.552 đồng; chuồng trâu 12.234.288 đồng; chuồng gà 11.035.200 đồng; hàng rào

64.707.150 đồng; bể nước 710.142 đồng; cổng 1.539.450 đồng; mái cổng 3.143.036 đồng; khung gỗ, trần gỗ xoan 3.811.500 đồng; chiều dài tường rào phía trước 2.445.300 đồng; móng tường rào 2.551.230 đồng; 10 trụ cổng 1.262.240 đồng; cửa lưới B40 5.346.000 đồng; ngoài ra có một số cây trên đất có tổng giá trị 7.371.600 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 610 Điều 611, điểm a Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lô Quốc Ph đối với thửa đất 2.242,1m² do cụ Lô Văn D và cụ Chương Thị S để lại. Ông Lô Xuân T là người có công tôn tạo nên được chia 2/3 giá trị thửa đất, 1/3 đất còn lại chia đều cho 06 người con còn lại của cụ D. Không chấp nhận yêu cầu chia số tiền 639.843.720 đồng là tiền đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng thủy điện Ch Kh, mà chỉ chấp nhận chia số tiền 62.685.000 đồng trong tổng số tiền đền bù trên vì đây mới là số tiền đền bù hai thửa đất mang tên cụ D. Chia đều cho 07 người con của cụ Lô Văn D. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147, Điều 157 BLTTDS; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Lô Thị M, Lô Thị Ph, Lô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp chia di sản thừa kế 2.945m² đất thuộc thửa số 33, tờ bản đồ XCK02 (nay là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 31) tại Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 126 QSDĐ ngày 24/9/1996 và số tiền 639.843.720 đồng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng dự án thủy điện Ch Kh nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền theo lãnh thổ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lô Văn Th, chị Lô Thị Ng, chị Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xác định di sản:

Thời kỳ hôn nhân, cụ Lô Văn D, tên gọi khác Lô Văn M (mất năm 2011 – theo trích lục chứng tử do UBND xã Ch Kh cấp ngày 22/3/2019) và cụ Chương Thị S, tên gọi khác là Chương Thị L (mất năm 2010 - theo Trích lục chứng tử do UBND xã Ch Kh cấp ngày 16/8/2021) làm nhà và sinh sống trên thửa đất số 33 tờ bản đồ số XCK02 là 2945m² (nay là thửa số 12, tờ bản đồ số 31) tại Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ, toàn bộ thửa số 33 tờ bản đồ số XCK02 (nay là thửa số 12, tờ bản đồ số 31) có diện tích 2242,1m², việc diện tích giảm xuống là do sai số qua các lần đo đạc trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa chính xác với hiện trạng sử dụng đất, hoặc trong quá trình sử dụng của gia đình ông T không có mốc giới, ranh giới không ổn định, (theo văn bản trả lời số 214/CNVPĐK ngày 31/12/2021 của Văn phòng đăng ký Đất đai chi nhánh huyện Con Cuông, tỉnh nghệ An) nên cần xác định 2242,1m² là tài sản chung do cụ D - cụ Sấn tạo lập trong thời kỳ hôn nhân trị giá 173.420.900 đồng (mỗi m² đất ở giá 300.000 đồng và đất vườn là 29.000 đồng theo kết quả định giá tài sản) và do hai cụ mất không để lại di chúc nên chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế. Ngoài ra, còn có những tài sản gắn liền trên 2242,1m² đất là do anh H – chị H (con trai và con dâu ông T) tạo lập không phải là di sản của cụ D - cụ Sấn.

Đối với biên bản phân chia tài sản thừa kế mà bị đơn ông Lô Xuân T cung cấp có chữ ký của ông Lô Xuân T, ông Lô Quốc Ph, ông Lô Xuân D, bà Lô Thị Q, bà Lô Thị H, bà Lô Thị M, bà Lô Thị Ph (Lô Thị L) nhưng qua các bản tường trình của các nguyên đơn thì các nguyên đơn đều xác nhận họ không tham gia cuộc họp gia đình nào để phân chia tài sản của cha mẹ để lại, và chữ ký trong biên bản phân chia tài sản đó không phải là của họ, và các đương sự cũng không yêu cầu giám định chữ ký do đó không có cơ sở để chứng minh.

Đối với số tiền được Nhà nước bồi thường 639.483.720 đồng do làm dự án thủy điện Ch Kh, hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại công Văn số 1355/UBND.TN ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông trả lời phúc đáp công văn số 666/CV-TA ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Con Cuông xác nhận: Trong 12 thửa đất anh Lô Văn H (con của ông T) được bồi thường, hỗ trợ có 02 thửa nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lô Văn D là thửa số 82, tờ bản đồ số 02 tương ứng với thửa số 252, tờ bản đồ 8/GPMB/2014 có diện tích là 1334,3m², loại đất BHK (bằng hằng năm – màu) thu hồi 1334,3 m² và thửa đất số 89, tờ bản đồ 02 tương ứng với thửa số 69, tờ bản đồ 8/GPMB/2014 có diện tích là 1173,1 m², loại đất BHK (bằng hằng năm – màu) thu hồi 1173,1m² được bồi thường số tiền 1334,3m² + 1173,1m² x 25.000 đồng/ m² = 62.685.000 đồng. Việc các nguyên đơn yêu cầu chia số tiền 639.843.720 đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Mặt khác Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại UBND huyện Con Cuông và Công an xã Ch Kh việc tại thời điểm cụ D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 là cấp cho cá nhân cụ D hay cấp cho hộ gia đình nhưng quá trình xác minh không chứng minh được việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ gia đình.

Từ những nhận định trên có thể xác định di sản của cụ D – cụ Sấn để lại là 2242,1m² đất tại thửa số 33 tờ bản đồ số XCK02 (nay là thửa số 12, tờ bản đồ số 31) tại Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh nghệ An đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 126 QSDĐ ngày 24/9/1996 và số tiền 62.685.000 đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn.

Cụ D - cụ Sấn sinh được 8 người con gồm: ông Lô Xuân T, Lô Quốc Ph, Lô Xuân D, Lô Văn Ý (chưa có vợ con, đi bộ đội hi sinh năm 1968), bà Lô Thị Q, Lô Thị M, Lô Thị L và Lô Thị L.

Như vậy, căn cứ vào Điều 651 Bộ luật dân sự, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của 2 cụ gồm 7 người là: ông Lô Xuân T, Lô Quốc Ph, Lô Xuân D, bà Lô Thị Q, Lô Thị M, Lô Thị Ph (Lô Thị L) và Lô Thị H.

Kể từ khi cụ D – Cụ Sấn mất, các đồng thừa kế của hai cụ chưa thống nhất được việc phân chia di sản, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 660 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn để thực hiện phân chia thừa kế tài sản của các cụ là 2242,1m² đất tại thửa số 33 tờ bản đồ số XCK02 (nay là thửa số 12, tờ bản đồ số 31) thuộc Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An và số tiền 62.685.000 đồng theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ kiện ông T có các đơn trình bày, đơn đề nghị giải quyết có nội dung chia tiền bán đất mà cụ D – Cụ Sấn để lại cho ông Lô Xuân D, nay ông D đã bán cho người khác. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay người đại

diện theo ủy quyền của ông T là anh Lô Văn H không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T không yêu cầu trích công sức bảo quản giữ gìn, tôn tạo di sản và công sức phụng dưỡng cụ D – cụ Sấn nhưng xét: khi các cụ còn sống được ông T – bà Thường trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng, hơn nữa sau khi hai cụ mất ông T là người chịu trách nhiệm nộp thuế đất hàng năm cũng như trông coi tài sản cho các cụ nên cần xem xét để trích công sức bảo quản di sản cho ông T bằng đất tương đương 1360,1m² (gồm 190m² đất ở và 1170,1m² đất vườn) trị giá 90.932.900 đồng trước khi chia thừa kế. Do vậy, khối di sản còn lại được xem xét chia là 882m², kỷ phần mỗi người là 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng.

Các đương sự đều muốn nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật và do di sản có thể chia được bằng hiện vật nên cần chấp nhận chia 126m² đất cho mỗi người. Riêng số tiền 62.685.000 đồng được chia đều theo kỷ phần mỗi người được hưởng 8.955.000 đồng. Các nguyên đơn ông Phong, ông D, bà Q, bà ph (L), bà H, bà M thống nhất nhập lại diện tích đất và số tiền được hưởng thành một phần và giao cho ông D quản lý để làm nhà thờ. Xét nguyện vọng của Phong, ông D, bà Q, bà ph (L), bà H, bà M là chính đáng, phù hợp đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, thể hiện được tấm lòng hiếu thảo đối với những người đã khuất nên cần chấp nhận giao số tài sản thừa kế là 756m² (= 06 suất thừa kế theo pháp luật, tương đương 70.704.000 đồng) cho ông Phong, ông D, bà Q, bà ph (L), bà H, bà M sử dụng chung theo nguyện vọng chính đáng của các đương sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận về người đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi làm thủ tục tại cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương.

Xét yêu cầu của anh H và chị H thấy rằng: các tài sản trên đất là do vợ chồng anh tạo lập nên cần buộc các nguyên đơn phải bồi thường giá trị các tài sản trên đất theo giá của Hội đồng định giá tài sản trên phần đất mà các nguyên đơn được hưởng. Như vậy trên diện tích 756m² đất được giao chung này có 2/3 cái chuồng lợn (tương đương với 7,93 m²), 01 chuồng bò, 01 xưởng cưa và 14,93m hàng rào thép B40 và một số cây cối, do chuồng bò được xây dựng từ sau thời điểm xảy ra tranh chấp nên anh H cam kết tự nguyện tháo dỡ khi có yêu cầu thi hành án. Đối với hàng rào thép B40 phần chạy qua phần đất của các nguyên đơn được hưởng do hàng rào có thể tháo dỡ và không làm mất đi tính năng sử dụng nên cần buộc anh H và chị H phải tháo dỡ. Đối với phần chuồng lợn và các công trình, cây cối nằm bên phần đất của ông T do anh H và ông T tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết và một số cây cối trên phần đất mà các nguyên đơn được hưởng anh không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Vì vậy cần buộc các nguyên đơn phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Lô Văn H và chị Bùi Thị H số tiền 11.539.450 đồng giá trị của

01 xưởng cưa và 2/3 chuồng lợn (tương đương với 7,93m²) trên phần đất mà các nguyên đơn được chia.

[2.4]. Về các chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Tòa án đã tiến hành các thủ tục và tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản hết 3.600.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và yêu cầu xác định nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng theo quy định pháp luật. Xét thấy các đương sự được chia thừa kế phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với giá trị tài sản được hưởng. Do các nguyên đơn được chia thừa kế có giá trị tài sản như nhau nên mỗi người phải chịu 200.000 chi phí tố tụng. Bị đơn ông Lô Xuân T phải chịu 2.400.000 đồng chi phí tố tụng tương ứng với phần tài sản được chia. Các nguyên đơn đã nộp 3.600.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên ông T có nghĩa vụ hoàn trả cho các nguyên đơn số tiền là 2.386.600 đồng.

[3]. Về án phí: do ông T, ông Phong, ông D, bà Q là người cao tuổi, thuộc các trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử cho miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bà H, bà M, bà ph (L) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia nhưng được khấu trừ trong tổng số tiền 18.305.755 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001560 ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự 2015.

Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[1]. Chia thừa kế theo pháp luật 2242,1m² đất thuộc thửa số 33 tờ bản đồ số XCK02 (nay là thửa số 12, tờ bản đồ số 31) tại Bản B G, xã Ch Kh, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An là di sản của cụ Lô Văn D - cụ Chương Thị S (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy số 126QSDĐ ngày 24/9/1996 mang tên Lô Văn D và số tiền 62.685.000 đồng.

[1.1]. Trích công sức bảo quản di sản cho ông Lô Xuân T là 1360,1m² (gồm 190m² đất ở và 1170,1m² đất vườn) trị giá 90.932.900 đồng.

[1.2]. Phân chia di sản cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

[1.2.1]. Phân chia di sản là quyền sử dụng 882 m² đất còn lại cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

Ông Lô Quốc Ph được chia 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng.

Ông Lô Xuân D được chia 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng.

Bà Lô Thị Q được chia 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng.

Bà Lô Thị Ph, tên gọi khác Lô Thị L được 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng.

Bà Lô Thị M được chia 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng.

Bà Lô Thị H được chia 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng.

Chấp nhận giao cho ông Phong, ông D, bà Q, bà ph (L), bà M, bà H cùng sử dụng chung khối tài sản đã được phân chia như trên là 756m² đất (gồm 180m² đất ở và 576m² đất vườn) trị giá 70.704.000 đồng (trên sơ đồ ký hiệu là A). Phần đất được định vị như sau:

Phía Bắc giáp đường nội thôn Bản B G, kích thước 13,72m;

Phía Đông giáp phần đất chia cho ông T, kích thước 52,65m;

Phía Tây giáp thổ cư ông Lô Văn D, kích thước 48,22m;

Phía Nam giáp thổ cư ông Hoàng Bắc V kích thước 16,68m.

Ông Lô Xuân T được chia 126m² (gồm 30m² đất ở và 96m² đất vườn) trị giá 11.784.000 đồng. Nhập cùng phần trích công sức bảo quản di sản, giao ông T sử dụng chung 1360,1m² (gồm 190m² đất ở và 1170,1m² đất vườn) (trên sơ đồ ký hiệu là B). Phần đất được định vị như sau:

Phía Bắc giáp đường nội thôn Bản B G, kích thước 27,21m;

Phía Đông giáp thổ cư ông Vi Văn C, kích thước 60,8m;

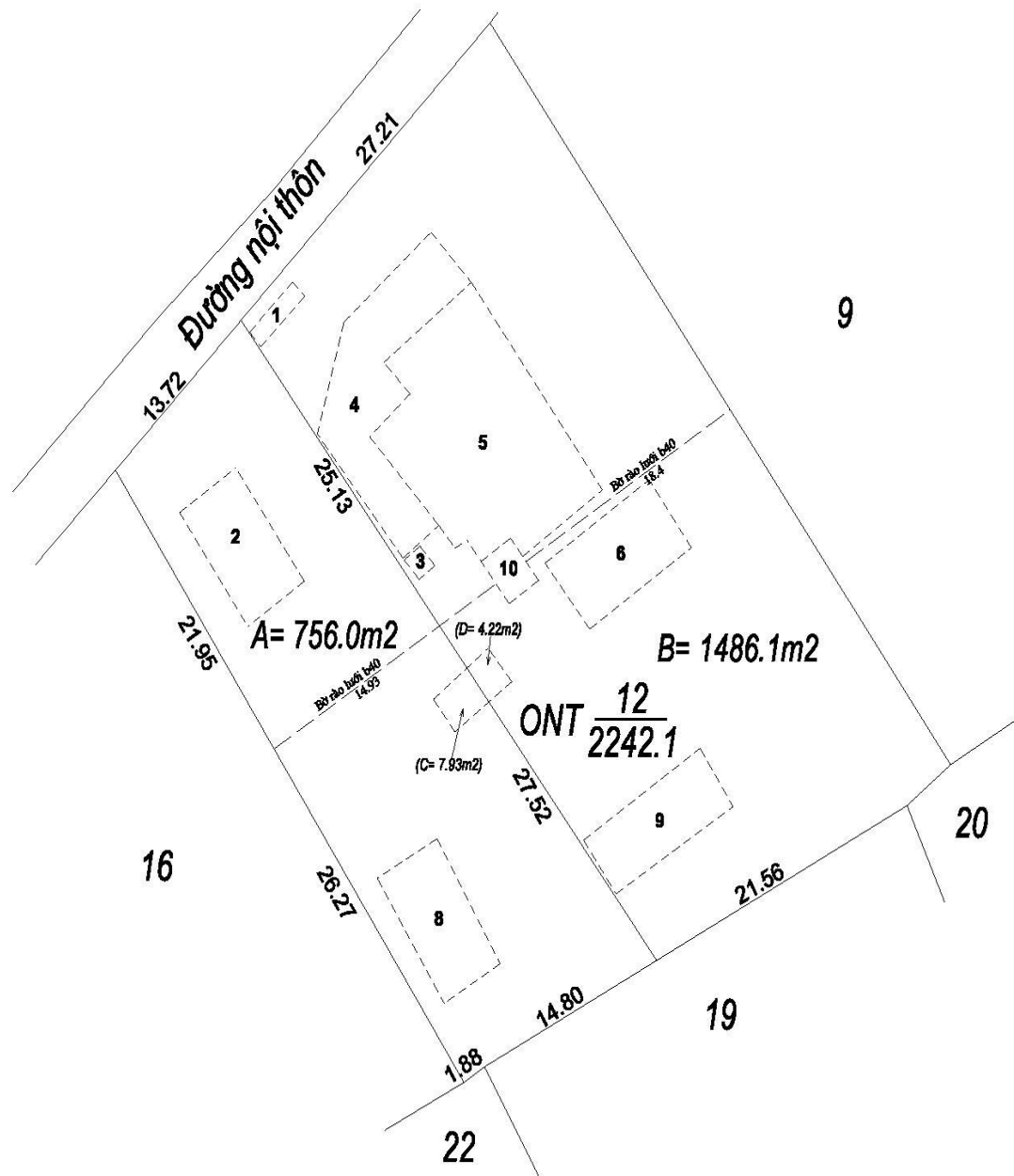
Phía Tây giáp phần đất chia cho ông D, ông Phong, bà Q, bà M, bà H, bà ph (L), kích thước 52,65m;

Phía Nam giáp thổ cư ông Vi Đình T, ông Lộc Xuân Th kích thước 25,83m.

Giao cho các nguyên đơn cùng sử dụng 01 xưởng cưa (ký hiệu trên sơ đồ là số 2) và 7,93m² chuồng lợn (ký hiệu trên sơ đồ là số C). Các nguyên đơn ông Phong, ông D, bà Q, bà ph (L), bà M, bà H phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lô Văn H, chị Bùi Thị H số tiền 11.539.450 đồng giá trị các tài sản trên đất được chia. Anh H, chị H có nghĩa vụ tháo dỡ 01 chuồng bò (ký hiệu trên sơ đồ là số 8) và 14,93m hàng

rào thép B40 thuộc quyền sở hữu của mình đã xây dựng trên phần đất chia cho các nguyên đơn khi có yêu cầu thi hành án.

Sơ đồ phân chia thừa kế được thể hiện như sau:



Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các quyền năng của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Người đang trực tiếp quản lý khối di sản có nghĩa vụ giao ký phần thừa kế cho những người được phân chia.

[1.2.2]. Phân chia di sản là số tiền 62.685.000 đồng cho các đồng thừa kế cụ thể như sau:

Ông Lô Xuân T được chia 8.955.000 đồng.

Ông Lô Quốc Ph được chia 8.955.000 đồng.

Ông Lô Xuân D được chia 8.955.000 đồng.

Bà Lô Thị Q được chia 8.955.000 đồng.

Bà Lô Thị Ph, tên gọi khác Lô Thị L được chia 8.955.000 đồng.

Bà Lô Thị M được chia 8.955.000 đồng.

Bà Lô Thị H được chia 8.955.000 đồng.

Do số tiền này ông Lô Xuân T đang giữ nên ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Phong, ông D, bà Q, bà M, bà H, bà ph (L). Chấp nhận giao cho ông Phong, ông D, bà Q, bà ph (L), bà M, bà H cùng sử dụng chung số tiền 53.730.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2]. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lô Xuân T phải hoàn trả 2.386.600 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản cho Lô Quốc Ph, ông Lô Xuân D, bà Lô Thị Q, bà Lô Thị H, bà Lô Thị M, bà Lô Thị Ph (Lô Thị L).

[3]. Về án phí: Miễn án phí chia thừa kế cho ông Lô Quốc Ph, ông Lô Xuân D và ông Lô Xuân T và bà Lô Thị Q.

Bà Lô Thị Ph (Lô Thị L), Lô Thị M, Lô Thị H mỗi người phải chịu 1.026.950 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia nhưng được khấu trừ trong số tiền 18.305.755 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001560 ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An. Hoàn trả số tiền còn lại là 15.224.905 đồng cho các ông Lô Quốc Ph, Lô Xuân D, bà Lô Thị Q, Lô Thị M, Lô Thị H và Lô Thị Ph (L)

[4]. Ông T, ông Phong, ông D, bà H, bà M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Q, bà ph (L), anh Th, chị Ng, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Lợi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Lợi